

Số: 857 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép đổi tên Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La thành Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La và phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 371/TTr-SNV ngày 15 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La thành Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La và phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

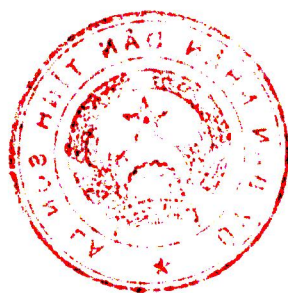
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(10b).



CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

1971





ĐIỀU LỆ

Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 858 /QĐ-UBND*
ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La.
2. Tên tiếng Anh: Son La province Sponsoring Association for people with Disabilities and Orphans (viết tắt là: SSADO).
3. Tên tiếng Anh viết tắt: Sử dụng biểu tượng của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam đã được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tôn chỉ: Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La (*sau đây gọi tắt là Hội*) là tổ chức xã hội có tính chất đặc thù tập hợp, đoàn kết tổ chức, công dân cùng hoạt động nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của Người khuyết tật và Trẻ mồ côi.
2. Mục đích: Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La tích cực vận động thu hút mọi năng lực của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật, nhằm góp phần đẩy mạnh trợ giúp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật, trẻ mồ côi, giúp họ hòa nhập cộng đồng, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của Đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội: Số 20 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Chiềng Cơi, TP Sơn La, tỉnh Sơn La.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La hoạt động trên địa bàn tỉnh Sơn La trong lĩnh vực trợ giúp người khuyết tật và trẻ mồ côi.

2. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La hoạt động chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc, tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội; chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực người khuyết tật và trẻ mồ côi theo quy định của pháp luật.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không

được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Vận động sự ủng hộ bằng tiền, hiện vật và hình thức khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật để trợ giúp người khuyết tật và trẻ mồ côi cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

3. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

4. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, động viên, biểu dương, tôn vinh người khuyết tật, trẻ mồ côi và người bảo trợ tiêu biểu theo quy định của pháp luật.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên tổ chức: Các hội hoạt động trong lĩnh vực về người khuyết tật và trẻ mồ côi trong phạm vi địa bàn tỉnh Sơn La tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam không bị xem xét, xử lý vi phạm pháp luật hình sự; có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; có nhiều đóng góp cho Hội hoặc người đang làm việc chuyên trách tại Văn phòng Hội.

b) Hội viên tổ chức: Hội thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực về người khuyết tật và trẻ mồ côi; có văn bản đề nghị tham gia Hội; tán thành và hoạt động tuân thủ Điều lệ của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La.

3. Hội viên danh dự

Công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tích cực đóng góp cho Hội, tự nguyện tham gia Hội, được xem xét công nhận là hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội được kiến nghị, đề xuất ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội (*đối với Đại hội đại biểu thì phải là hội viên đại biểu*), ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội và Điều lệ Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Ban chấp hành Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết nạp hội viên và ra khỏi Hội phù hợp quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
2. Đối với công dân, tổ chức Việt Nam đã là hội viên của Hội trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục kết nạp hội viên theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Tình nguyện viên

1. Công dân Việt Nam không đủ tiêu chuẩn tham gia hội viên chính thức hoặc hội viên danh dự của Hội; người nước ngoài đang sống hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam tự nguyện tham gia với Hội nhằm chăm sóc, giúp đỡ người khuyết tật và trẻ mồ côi được Hội xem xét, công nhận là tình nguyện viên.

2. Tình nguyện viên được tham gia các hoạt động trợ giúp người khuyết tật và trẻ mồ côi do Hội tổ chức.

3. Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, điều kiện trình tự, thủ tục công nhận tình nguyện viên phù hợp quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG HỘI

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Thường trực.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng Hội.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (*một phần hai*) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành. Trừ trường hợp quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội và hiệp thương bầu người đại diện của một số cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến người khuyết tật và trẻ mồ côi tham gia Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Ủy viên Ban Chấp hành Hội đương nhiên không còn là ủy viên trong các trường hợp sau đây:

a) Ủy viên Ban Chấp hành không còn là người đại diện của cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến người khuyết tật, trẻ mồ côi mà đã được hiệp thương bầu tham gia Ban Chấp hành;

b) Ủy viên Ban Chấp hành là người đại diện của hội viên tổ chức mà hội viên tổ chức đó bị giải thể hoặc tự giải thể theo quy định của pháp luật;

c) Ủy viên Ban Chấp hành đang là người làm việc chuyên trách tại Hội nhưng thôi không làm việc chuyên trách tại Hội.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo các hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Ban Thường vụ; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Quyết định cơ cấu, số lượng và bầu Ban Thường vụ; bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các phó Chủ tịch; quyết định cho thôi, thay thế, bầu bổ sung ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Kiểm tra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (*một phần ba*) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Quyết định các hình thức khen thưởng theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm 01 (một) lần; họp chuyên đề hoặc họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định. Trường hợp cần thiết giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành biểu quyết thông qua lấy ý kiến bằng văn bản.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hiệp hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 06 tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch có nhiệm vụ chuẩn bị, giúp Ban Thường vụ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Ban Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy định của Hội.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính và sử dụng tài sản của Hội. Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Kiểm tra họp thường kỳ mỗi năm 01 lần, họp chuyên đề hoặc bất thường khi có yêu cầu của Trưởng ban hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Kiểm tra đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Kiểm tra là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Kiểm tra tham gia dự họp. Ban Kiểm tra có thể biểu quyết những vấn đề cần thiết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Kiểm tra quyết định. Trường hợp cần thiết giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra biểu quyết thông qua lấy ý kiến bằng văn bản;

d) Các quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 ủy viên Ban Kiểm tra dự họp tán thành.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định và tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội.

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động do Ban Thường vụ Hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Chủ tịch danh dự Hội là công dân Việt Nam có uy tín do Ban Chấp hành Hội mời, suy tôn.

4. Các Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc, triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật. Chánh Văn phòng giúp việc Lãnh đạo Hội trong điều hành và quản lý hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội. Các nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng và làm việc theo hợp đồng lao động.

2. Các ban chuyên môn trực thuộc Hội do Ban Thường vụ quyết định thành lập để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nghị quyết của Ban Chấp hành, Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó của Văn phòng và các ban chuyên môn thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Hội.

Điều 21. Tổ chức có tư cách pháp nhân và chi hội trực thuộc Hội

1. Căn cứ nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật, Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Hội.

2. Chi hội trực thuộc Hội do Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định thành lập ở những tổ chức, địa phương có ít nhất 20 (*hai mươi*) hội viên và quy định về tổ chức, hoạt động của Chi hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Chi hội trực thuộc Hội không có tư cách pháp nhân và con dấu.

Chương V

CHIA. TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 23. Tài chính, tài sản và quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội

- Lệ phí gia nhập Hội; Hội phí hàng năm của hội viên (nếu có);
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền, hiện vật tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản khác được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, được cấp (*nếu có*) hoặc do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

- Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

- Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VI **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng

a) Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Kỷ luật

a) Tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Phê bình, khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật, còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

